

Bản án số: 46/2018/HSST

Ngày: 24 - 4 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Chính Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Ton

Ông Lương Công Tuyển

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Lê - Thư ký tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa:

Ông Đào Thế Phong - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 4 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 32/2018/HSST ngày 20 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2018/QĐXXST – HS ngày 09/4/2018 đối với các bị cáo:

* Họ và tên: **Nguyễn Văn T**, Tên gọi khác: Không - Sinh ngày 07/05/1986, tại thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; Nơi ĐKKHKT: phường T, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; Chỗ ở: phường B, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Con ông: Nguyễn Văn R, sinh năm 1957; Con bà: Nguyễn Thị B, sinh năm 1960; Có vợ: Phạm Văn A (đã ly hôn); Có 01 con sinh năm 2008; Tiền án: Ngày 19/01/2016, bị Tòa án nhân dân Tỉnh Quảng Ninh xử phạt 12 tháng tù về tội: “ Trộm cắp tài sản”. Ngày 17/8/2016, chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt quả tang ngày 26/10/2017, hiện tạm giam - Có mặt.

* Họ và tên: **Trần Thị H**, Tên gọi khác: Không - Sinh ngày 03/05/1999, tại huyện H, tỉnh Quảng Ninh; Nơi ĐKKHKT: thị trấn T, huyện H, tỉnh Quảng Ninh; Chỗ ở: phường B, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 8/12; Con

ông: Trần Đức N, sinh năm 1974 và bà: Trần Thị X, sinh năm 1978; Chồng và con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt khẩn cấp ngày 27/10/2017, hiện tạm giam - Có mặt.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: - Ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1957; Trú tại: phường T, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; – Có mặt.

3./ Người làm chứng: Triệu Quang S, Nguyễn Viết C, Lê Mạnh T1, Trần Văn Đ, Nguyễn Thành L, Nguyễn Văn T2, Hoàng Văn C1 – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Hồi 20 giờ 40 phút ngày 26/10/2017, tại phường C, thành phố C, Công an thành phố Cẩm Phả phát hiện bắt quả tang Nguyễn Văn T có hành vi bán trái phép chất ma túy cho Lê Mạnh T1. Vật chứng thu giữ của T gồm: 01 (một) điện thoại di động Sam Sung, 01 (một) điện thoại di động Masstel và số tiền 1.200.000 đồng. Thu giữ của T1: 01 (một) gói giấy vệ sinh quần bằng dính màu đen bên trong có 01 túi Nilon chứa chất tinh thể màu trắng, 01 điện thoại di động Masstel.

Tại bản kết luận giám định số 696/GĐMT ngày 28/10/2017 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh kết luận: Chất tinh thể màu trắng thu của Nguyễn Mạnh T1 gửi giám định là chất ma túy loại Methamphetamine, trọng lượng là 0,29g (không phẩy hai chín gam).

Căn cứ các tài liệu điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cẩm Phả khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Văn T và bắt khẩn cấp Trần Thị H. Thu của T 01 hộp nhựa màu xanh bên trong có 11 túi Nilon chứa chất tinh thể màu trắng, 01 ví giả da bên trong có 01 thẻ căn cước công dân, 01 thẻ điều trị Methadone đều mang tên Nguyễn Văn T, 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 17B4-298.28 mang tên Hoàng Văn C1, 01 tờ giấy quảng cáo, 01 điện thoại Mobell, 01 điện thoại di động Mobistar, 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 17B4- 298.28, số tiền 4.200.000 đồng. Thu giữ của Trần Thị H 01 chiếc điện thoại di động Iphone, 01 chứng minh nhân dân mang tên Trần Thị H.

Quá trình điều tra, Trần Thị H và Nguyễn Văn T: Tháng 3/2017, H và T quen nhau, sống với nhau như vợ chồng và cùng nhau bán trái phép chất ma túy tại phòng trọ thuộc phường S, thành phố C. Đến đầu tháng 10/2017, T và H chuyển đến ở tại phòng trọ thuộc phường B để bán ma túy. T là người trực tiếp đi mua ma túy của Nguyễn Thanh L về để H san ra thành các túi ma túy nhỏ bán kiếm lời. Ngoài lần bán ma túy cho Lê Mạnh T1 (tức T1 Tự) ngày 26/10/2017 thì T và H còn bán ma túy cho Nguyễn Thành L, Lê Mạnh T1, Nguyễn Văn T2 vào các lần cụ thể như sau:

Từ tháng 6/2017 đến đầu tháng 10/2017, tại phòng trọ thuộc phường S, thành phố C, T và H đã bán nhiều lần ma túy cho Nguyễn Thành L (tức L Mạc), mỗi lần bán từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng.

Khoảng đầu tháng 10/2017, T và H đang ở phòng trọ thuộc phường S thì T1 “Tự” điện thoại cho T hỏi mua 300.000 đồng ma túy. T đồng ý và bảo T1 đến cổng nhà trọ để giao dịch. Tại đây, T bán cho T1 (T1 Tự) 01 gói ma túy đá giá 300.000 đồng.

Khoảng 21 giờ ngày 25/10/2017, T và H đang ở phòng trọ thuộc phường B, thì T2 (T2 hen) đến hỏi mua 500.000 đồng ma túy đá. T2 đưa 500.000 đồng cho H, rồi T đưa cho T2 01 túi ma túy đá.

Tại bản kết luận giám định số 697/GĐMT ngày 30/10/2017 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh kết luận: Chất tinh thể màu trắng có trong 11 túi Nilon (ký hiệu từ M1 – M11) thu tại chỗ ở của Nguyễn Văn T gửi giám định là chất ma túy loại Methamphetamine, trọng lượng là 1,869g (một phẩy tám sáu chín gam).

Bản cáo trạng số 42/CT-VKS - CP ngày 16/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T và Trần Thị H về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, đưa ra những chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999, Điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự 2015, xử phạt Nguyễn Văn T từ 08 (tám) năm tù đến 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt; Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Trần Thị H từ 07 (bảy) năm đến 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với cả hai bị cáo; Áp dụng điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015: Đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo T số tiền 3.700.000 đồng, 01 chiếc điện thoại di động Sam Sung, 01 chiếc điện thoại Mobell, 01 chiếc điện thoại di động Mobiistar, 01 chiếc ví giả da, 01 thẻ căn cước và 01 thẻ điều trị Methadone mang tên Nguyễn Văn T, 01 đăng ký xe mô tô mang tên Hoàng Văn C1, 01 chiếc xe mô tô biển số 17B4 – 298.28. Trả lại cho bị cáo H 01 chứng minh nhân dân mang tên Trần Thị H; Tịch thu phát mại nộp ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại Masstel, 01 chiếc điện thoại Iphone, số tiền 1.700.000 đồng. Buộc bị cáo T nộp lại 800.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước; Tịch thu tiêu hủy 01 hộp nhựa màu xanh, 01

bộ đồ sử dụng ma túy đá, 01 tờ giấy quảng cáo, 02 phong bì số 696/GĐMT và 697/GĐMT đựng mẫu vật hoàn lại sau giám định.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa;

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố Cẩm Phả, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với bị cáo: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận: Khoảng 12 giờ ngày 25/10/2017, T đi đến khu vực phường S, thành phố C mua 01 gói ma túy đá giá 4.500.000 đồng của Nguyễn Thanh L (sinh năm 1983, trú tại phường S, thành phố C). Sau đó T mang về phòng trọ thuộc phường B cùng với Trần Thị H dùng cân tiểu ly chia thành 20 túi ma túy nhỏ. T và H đã sử dụng hết 08 gói, còn 12 gói để bán kiếm lời. Đến khoảng 20 giờ ngày 26/10/2017, T và H đang ở phòng trọ, phường B thì Trần Văn Đ đến xin ma túy đá để sử dụng cho tỉnh vì Đ bị say bia. T và H bảo Đ vào trong phòng để cùng sử dụng ma túy đá. Khi đang sử dụng ma túy đá thì T nhận được điện thoại của Lê Mạnh T1 hỏi mua 500.000 đồng ma túy. T đồng ý và hẹn T1 đến khu vực gần nhà thờ thuộc phường T để giao dịch. T mang theo một gói ma túy đá để bán, còn 11 gói T để trong hộp nhựa màu xanh. Khi đến địa điểm đã hẹn, T bán cho T1(T1 Tự) một gói ma túy đá giá 500.000 đồng thì bị Công an bắt quả tang.

Đối với hành vi nhiều lần mua bán trái phép chất ma túy, cả hai bị cáo thừa nhận đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả đã truy tố.

Các bị cáo thừa nhận việc bị truy tố và đưa ra xét xử là đúng, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Lời khai nhận tội của các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Thị H phù hợp với nhau; phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Biên bản khám xét; Phù hợp với

các kết luận giám định số 696/GĐMT ngày 28/10/2017 và số 697/GĐMT ngày 30/10/2017 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh về ma túy; Phù hợp với lời khai của những người làm chứng Lê Mạnh T1 (T1 Tự), Nguyễn Văn T2 (T2 hen) và Nguyễn Thành L (tức L Mạc) vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai tại cơ quan điều tra thừa nhận đã nhiều lần mua ma túy của T và H để sử dụng. Cụ thể T1 (T1 Tự) đã mua ma túy 02 lần vào thời gian đầu tháng 10/2017 và ngày 26/10/2017; T2 (T2 hen) mua ma túy vào tối ngày 25/10/2017; L (L Mạc) đã nhiều lần mua ma túy vào khoảng thời gian từ tháng 6/2017 đến tháng 10/2017, mỗi lần mua từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng nhưng không nhớ rõ thời gian cụ thể; Lời khai nhận tội của bị cáo T còn phù hợp với lời khai của người làm chứng là Triệu Quang S và Nguyễn Viết C2 đã chứng kiến việc Công an kiểm tra, bắt giữ T1, thu vật chứng; Phù hợp với lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn R về nguồn gốc chiếc xe mô tô thu giữ của bị cáo Thành và các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án.

Việc Nguyễn Văn T và Trần Thị H trong khoảng thời gian từ tháng 6/2017 đến tháng 10/2017 tại khu vực phường S, thành phố C có hành vi nhiều lần bán trái phép chất ma túy cho Nguyễn Thành L, mỗi lần từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng để L sử dụng. Tiếp đó, cũng trong khoảng đầu tháng 10/2017, tại địa điểm trên, Nguyễn Văn T và Trần Thị H đã có hành vi bán trái phép 01 túi ma túy đá cho Lê Mạnh T1 với giá 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) để Lê Mạnh T1 sử dụng; Tiếp đến, khoảng 21 giờ ngày 25/10/2017, tại khu vực phường B, thành phố C, Nguyễn Văn T và Trần Thị H có hành vi bán trái phép 01 túi ma túy đá cho Nguyễn Văn T2 với giá 500.000 đồng để Nguyễn Văn T2 sử dụng. Khoảng 20 giờ 40 phút ngày 26/10/2017, tại phường T, thành phố C, Nguyễn Văn T có hành vi bán trái phép 0,29 gam ma túy loại Methamphetamine cho Lê Mạnh T1 sử dụng, bị công an phát hiện bắt quả tang. Ngoài ra, Nguyễn Văn T và Trần Thị H còn có hành vi tàng trữ trái phép 1,869 gam chất ma túy loại Methamphetamine mục đích để bán cùng với các chứng cứ đã nêu và các tài liệu do cơ quan điều tra thu thập được có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Nguyễn Văn T và Trần Thị H phạm tội “ Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự 1999.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tới sự độc quyền quản lý, kiểm soát các chất ma túy của Nhà nước, gây mất trật tự trị an ở địa phương và tiếp tay cho các đường dây mua bán trái phép chất ma túy; Ma túy là một tệ nạn xã hội, là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Do đó cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục và răn đe.

Xét vai trò của hai bị cáo thấy rằng: Xuất phát từ mối quan hệ chung sống như vợ chồng giữa T và H, cả hai cùng sử dụng ma túy đá, cùng nhau hoạch định kế hoạch mua bán ma túy. T là người bán ma túy bên ngoài còn H thường bán ma túy tại nhà trọ. Cả hai đóng vai trò là đồng phạm. Tuy nhiên, T là người trực tiếp đi tìm nguồn hàng, nhiều lần trực tiếp lấy ma túy của đối tượng tên là L về cho H bán. Do đó T phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn đối với H. Bị cáo Nguyễn Văn T còn bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự do phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Tuy nhiên tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải nên được xem xét giảm nhẹ hình phạt theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không nghề nghiệp nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền

[4] Về vật chứng: Lượng ma túy hoàn lại sau khi giám định còn lại trong phong bì niêm phong số 696/GĐMT và 697/GĐMT là vật cấm lưu hành nên tịch thu tiêu hủy; Vật chứng vụ án là 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone , vỏ màu vàng MoDel: A1533 FCC ID:BCG-E2599A IC: 579C-E2610A không kèm sim và chiếc điện thoại Masstel, Model: A126 vỏ màu đen kèm 01 sim, 01 pin được xác định dùng để liên lạc trong hoạt động mua bán ma túy cùng số tiền 1.700.000 đồng trong tổng số 5.400.000 đồng bị thu giữ là tiền bị cáo bán ma túy mà có nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước; Vật chứng vụ án gồm 03 điện thoại: Sam Sung, Model: SM-G920F kèm 01 sim, điện thoại Mobell có Model: Rock kèm 01 pin, điện thoại Mobiistar có Model: B221 không kèm pin và sim đều bị hỏng, cùng 01 (một) bộ đồ sử dụng ma túy đá, 01 (một) ví giả da màu nâu đã cũ, 01 (một) giấy quảng cáo nhàu nát, 01 (một) hộp nhựa màu xanh không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy; Vật chứng vụ án là 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển kiểm soát 17B4 – 298.28 cùng số tiền còn lại 3.700.000 đồng là tài sản riêng không liên quan đến hành vi phạm tội, 01 (một) chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy biển số 17B1-298.28 cấp ngày 20/01/2017 mang tên Hoàng Văn C1, 01 (một) thẻ căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn T, 01 (một) thẻ điều trị Methadone mang tên Nguyễn Văn T là giấy tờ tùy thân, nên trả lại cho bị cáo T; Trả lại cho bị cáo Trần Thị H 01 (một) chứng minh nhân dân cấp ngày 03/9/2015 mang tên Trần Thị H; Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp lại số tiền 800.000 đồng là tiền do phạm tội mà có để nộp ngân sách Nhà nước.

[5] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Đối với Nguyễn Thanh L đã bán ma túy cho Nguyễn Văn T, quá trình điều tra, xác minh L không có mặt ở địa phương, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cẩm Phả tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

Đối với Trần Văn Đ, Nguyễn Thành L, Nguyễn Văn T2 có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; Lê Mạnh T1 có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nên Công an thành phố Cẩm Phả đã ra Quyết định xử phạt hành chính.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”

Xử phạt: Nguyễn Văn T 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 26/10/2017.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999; Điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Thị H phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”

Xử phạt: Trần Thị H 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 27/10/2017.

Áp dụng điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015, điểm a, b, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Tịch thu tiêu hủy 02 (hai) phong bì niêm phong số 696/GĐMT và 697/GĐMT của phòng hình sự Công an Tỉnh Quảng Ninh, 03 điện thoại: Sam Sung, Model: SM-G920F kèm 01 sim, điện thoại Mobell có Model: Rock kèm 01 pin, điện thoại Mobiistar có Model: B221 không kèm pin và sim cùng 01 (một) bộ đồ sử dụng ma túy đá, 01 (một) ví giả da màu nâu đã cũ, 01 (một) giấy quảng cáo nhàu nát, 01 (một) hộp nhựa màu xanh; Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone, vỏ màu vàng MoDel: A1533 FCC ID:BCG-E2599A IC: 579C-E2610A không kèm sim và chiếc điện thoại Masstel, Model: A126 vỏ màu đen kèm 01 sim, 01 pin cùng số tiền 1.700.000 đồng trong tổng số 5.400.000 đồng; Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T: 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển kiểm soát 17B4 – 298.28 cùng số tiền còn lại 3.700.000 đồng, 01 (một) chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy biển số 17B1-298.28 cấp ngày 20/01/2017 mang tên Hoàng Văn C1, 01 (một) thẻ căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn T, 01 (một) thẻ điều trị Methadone mang tên Nguyễn Văn T; Trả lại cho bị cáo Trần Thị H 01 (một) chứng minh nhân dân cấp ngày 03/9/2015 mang tên Trần Thị H theo biên bản giao nhận vật chứng số: 96/BB-THA ngày 03 tháng 4 năm 2018 tại chi cục Thi hành án thành phố Cẩm Phả.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp lại số tiền 800.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm, công khai có mặt bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, báo cho biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Cẩm Phả;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- CCTHADS thành phố Cẩm Phả;
- Cơ quan Cảnh sát Điều tra - Công an thành phố Cẩm Phả;
- Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an thành phố Cẩm Phả;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh;
- Bị cáo;
- Lưu HS-VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Chính Nghĩa

